

Bản án số: 42/2022/DS-ST  
Ngày: 23-8-2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 556/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông K, là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 20/2022/UQ-CNQ4 ngày 16/6/2022).

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường D, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông K là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:*



Ngày 20/06/2019, ông Đ có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ tín dụng: 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2,4% tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 909.890.636 đồng. Trong thời gian sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến tháng 07/2019 ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 830.154.776 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ưu tiên thanh toán các khoản phí và lãi các khoản phí, lãi trước, giao dịch sau: Phí trễ hạn 3.157.771 đồng, lãi 26.446.375 đồng, phí vượt hạn mức (VHM) 495.707 đồng, phí thường niên (Phí) 1.998.000 đồng và một phần số tiền giao dịch là 798.056.923 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là: 111.833.713 đồng. Cụ thể số tiền ông Đ nợ (xin được gọi là Nợ gốc) đến ngày 05/02/2021 được tính như sau:

Dư nợ ngày 05/02/2021 = Số tiền thanh toán - Phí trễ hạn – Lãi - Phí VHM - Phí – một phần Số tiền giao dịch)

Trong đó:

- Số tiền thanh toán: 830.154.776 đồng
- Phí trễ hạn: 3.157.771 đồng
- Lãi: 26.446.375 đồng
- Phí VHM: 495.707 đồng
- Phí thường niên (Phí): 1.998.000 đồng
- Một phần số tiền giao dịch: 798.056.923 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ chậm thanh toán thẻ, chưa đóng đúng kỳ hạn và có nợ quá hạn dài hạn dài ngày, trong quá trình thu hồi ông Đ không có thiện chí thanh toán nợ thẻ. Do ông Đ vi phạm hợp đồng, trách nhiệm thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05/02/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ ông Đ còn thiếu tại thời điểm này số tiền là: 111.833.713 đồng sang nợ quá hạn. Ngân hàng xin được gọi là nợ gốc (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất là 2,4%/tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 29/6/2022, ông Đ còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong bảng tóm tắt sao kê đính kèm:

- Nợ gốc: 111.833.713 đồng



- Lãi quá hạn: 68.307.800 đồng
- Tổng cộng: 180.141.513 (Một trăm tám mươi triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm mười ba) đồng.

Số tiền lãi được tính trên số nợ gốc là 111.833.713 đồng với lãi suất là 2,4% x 150%/tháng, từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (từ ngày 06/02/2021) cho đến hiện tại, cụ thể:

Lãi quá hạn = Số tiền lãi quá hạn 1 ngày x Số ngày nợ quá hạn

Trong đó:

- Số tiền lãi quá hạn 1 ngày =  $(111.833.713 \times 2,4\% \times 150\%) / 30 = 134.200$  đồng
- Số ngày nợ quá hạn: 509 ngày (Từ ngày 06/02/2021 đến ngày 29/6/2022)
- Lãi quá hạn =  $134.200 \times 509 = 68.307.800$  đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc ông Đ, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Đ vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa: Buộc ông Đ phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2022 là 180.141.513 (Một trăm tám mươi triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm mười ba) đồng, trong đó: Nợ gốc: 111.833.713 đồng, lãi quá hạn: 68.307.800 đồng; và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

#### **Tại phiên tòa hôm nay:**

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông K là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn ông Đ không thực hiện đúng thỏa thuận tại “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” và “Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” đã được Ngân hàng phê duyệt ngày 21/6/2019. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bị đơn ông Đ là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bị đơn ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ **tín dụng S quốc tế Visa Platinum Cashback** theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” và “Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” được S phê duyệt ngày 21/6/2019, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2022 là 180.141.513 (Một trăm tám mươi triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm mười ba) đồng, trong đó: Nợ gốc là 111.833.713 đồng, lãi quá hạn: 68.307.800 đồng; và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày **30/6/2022** cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Bị đơn ông Đ có nơi cư trú tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 25/7/2022, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông K là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền xác định: “Vào ngày 20/6/2019, ông Đ có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” và bản “Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S”. Loại thẻ của ông Đ là thẻ tín dụng S **quốc tế Visa Platinum Cashback**, có số thẻ là 436438 – 0979, lãi suất trong hạn thời gian này là 2,4%/tháng (theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S). Lãi suất trong hạn sẽ thay đổi theo từng thời kỳ khi có văn bản mới của Ngân hàng quy định. Trước khi khởi kiện ông Đ, Ngân hàng đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua Thông báo khởi kiện số 33/2021/TB-TTD ngày 02/01/2021 đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông Đ đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện) thẻ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa buộc ông Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2022 là 180.141.513 đồng, trong đó: Nợ gốc là 111.833.713 đồng, lãi quá hạn là 68.307.800 đồng, thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, buộc ông Đ phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày **30/6/2022** cho đến khi thanh toán hết dư nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Do thẻ Visa nêu trên ông Đ sử dụng với mục đích cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu vợ của ông Đ phải cùng trả nợ. Lãi suất quá hạn = 150% x (nhân) với lãi suất trong hạn = 150% x (nhân) với 2.4%/tháng = 3.6%/tháng. (Theo Quyết định



2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam). Tiền lãi quá hạn = Lãi suất quá hạn x (nhân) với số tiền nợ gốc”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[2.2]. Bị đơn ông Đ đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đ.

[3]. Về đường lối giải quyết vụ án: Theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” được Ngân hàng phê duyệt ngày 21/6/2019 cho thấy giao dịch dân sự giữa ông Đ và Ngân hàng là giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên áp dụng quy định của Bộ luật này để giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 quy định về điều khoản chuyển tiếp.

[4]. Về yêu cầu của Nguyên đơn:

Căn cứ “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” được Ngân hàng phê duyệt ngày 21/6/2019 thì giữa chủ thẻ chính là ông Đ và bên phát hành thẻ là Ngân hàng có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế S Visa Signature với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là **2.4%/tháng**.

Theo các Bảng tóm tắt sao kê và Sao kê chi tiết giao dịch của ông Đ có số căn cước công dân 079078011357 do Ngân hàng cung cấp thì ông Đ kích hoạt thẻ vào ngày 05/7/2019. Ông Đ sử dụng thẻ từ 05/7/2019 đến ngày 05/11/2020 và có thanh toán đều cho Ngân hàng đến 05/12/2020 thì ngưng thanh toán. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/02/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Thời gian chốt các giao dịch thực hiện trong tháng là vào ngày 05 hàng tháng. Thời gian từ ngày 05/7/2019 đến 05/6/2020, số tiền các lần giao dịch mà ông Đ đã sử dụng thẻ là 909.890.636 đồng (số tiền gốc). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 830.154.776 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng: Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Số tiền thanh toán được thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn là 3.157.771 đồng, phí vượt hạn mức là 495.707 đồng, phí thường niên là 1.998.000 đồng, lãi trong hạn là 94.754.175 đồng. Sau khi trừ hết



các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 111.883.713 đồng. Tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 111.883.713 đồng x (nhân) với lãi suất quá hạn. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 05/02/2021 đến 29/6/2022 là **68.307.800** đồng, áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là **3.9%/tháng** ( $=150\% \times 2.6\%/tháng$ ), căn cứ Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 và Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ Ngân hàng S về việc thay đổi mức lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S mức lãi suất mới được áp dụng là **2.6%/tháng**. Tổng cộng ông Đ còn nợ S số tiền (tạm tính đến ngày 29/6/2022) là **180.141.513** đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”

Theo quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của Ngân hàng:

+ Tại mục Phương thức thanh toán, cụ thể là:

- Tại Điều 21 quy định: “Chủ thẻ phải thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo ...”;

- Tại Điều 22 quy định về Số tiền thanh toán như sau: “Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ...”

- Tại Điều 23 quy định về Nguyên tắc thanh toán như sau: “Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.”

- Tại Điều 25 quy định về Cách tính lãi trong hạn như sau: “Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản. Lãi suất được tính như sau:

... b) Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút.”

- Tại Điều 26 quy định về Vi phạm như sau:

“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến ngày thứ 10 của kì thông báo giao dịch lần thứ 2 thì toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn. Trong trường hợp này, tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và doanh nghiệp phải thanh toán. Nếu chủ thẻ có nhiều hơn một thẻ với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một thẻ sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả các thẻ khác. Dù trong bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các thẻ của chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ...”



Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.
- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn phù hợp với khoản 27 Điều 1 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ ...”

+ Tại mục Các loại phí, cụ thể là:

- Tại Điều 27 quy định về Các loại phí như sau: “Bên cạnh tiền lãi, Chủ thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí sau đây:

- a) Phí hàng năm và phí phát hành thẻ phụ: Được thu mỗi năm một lần.
- b) Phí rút tiền mặt: Được thu khi Chủ thẻ rút tiền mặt.
- c) Phí giao dịch tương đương rút tiền mặt: Được thu khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch tương đương rút tiền mặt.
- ... f) Phí vượt quá hạn mức: Được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp.
- g) Phí chậm thanh toán: Được thu nếu Chủ thẻ không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn...”

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng như sau:

“Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19 quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi...”

Ngân hàng đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua Thông báo khởi kiện số 33/2021/TB-TTD ngày 02/01/2021 đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông Đ đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trước khi Ngân hàng thực hiện việc khởi kiện ông Đ tại Tòa cũng như thông báo cho ông Đ biết việc Ngân hàng khởi kiện Ông (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện).

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Tòa buộc ông Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền là **180.141.513 (Một trăm tám mươi triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm mười ba)** đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 111.833.713 đồng, tiền lãi quá hạn (tạm tính từ ngày 06/02/2021 đến 29/6/2022) là **68.307.800** đồng, là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**



- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/20219/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

### ***Tuyên xử:***

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Buộc ông Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2022 là **180.141.513** (*Một trăm tám mươi triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm mười ba*) đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 111.833.713 đồng, tiền lãi quá hạn là 68.307.800 đồng.

Kể từ ngày 30/6/2022, ông Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiểm hợp đồng được Ngân hàng phê duyệt ngày 21/6/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải chịu **9.007.076** (**Chín triệu, không trăm lẻ bảy nghìn, không trăm bảy mươi sáu**) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 2.700.703 (Hai triệu, bảy trăm nghìn, bảy trăm lẻ ba) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006569 ngày 04/11/2021 và số tiền 1.027.830 (Một triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm ba mươi) đồng theo Biên lai thu tiền số 0007325 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện



thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Ánh Phượng**